

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày: 20-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Tấn Vũ;

- Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Rô Đăm Quyết và bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn G; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1990, nơi sinh huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: H'rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn R (đã chết) và bà Phạm Thị G (sinh năm 1960); Vợ: Phạm Thị T (sinh năm 1996); Con: có 04 người con, lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 22/09/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn K; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1988, nơi sinh huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: H'rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị D (sinh năm 1950); Vợ: Phạm Thị T (sinh năm 1996); con: có 02 người con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam ngày 05/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn X; sinh ngày 10 tháng 9 năm 1978, nơi sinh huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: H'rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn R (sinh năm 1954) và bà: Phạm Thị D (sinh năm 1959); Vợ: Phạm Thị L (sinh năm 1979); con: có 03 người con, con lớn nhất 31 tuổi, nhỏ nhất 15 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện tạm giam ngày 05/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn S; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1994, nơi sinh huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: H'rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn D (sinh năm 1963) và bà: Phạm Thị X (sinh năm 1974); Vợ: Phạm Thị C (sinh năm 2002); con: Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện tạm giam ngày 05/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G:** Bà Bùi Thị Thuyết A, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K và Phạm Văn X:** Ông Nguyễn Chí K, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S:** Bà Phạm Thị Hà C, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Bị hại:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T;

Địa chỉ trụ sở: phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bảo L - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Huỳnh bảo L: Ông Lê Tấn P, Phó Quản lý công trình (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022)

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Võ Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người phiên dịch:** ông Phạm Văn T – Công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B phiên dịch tiếng Hre cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo và Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ, ngày 05/03/2022, trong lúc các bị cáo G, X, S và K đang ngồi uống rượu tại nhà của bị cáo G thì bị cáo G có rủ X, K, S sau khi uống hết rượu sẽ đi lấy trộm sắt tại khu vực Công trình đang thi công nhà máy thủy điện Đăkre 2 (do Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng T xây dựng) để bán lấy tiền chia nhau thì được X, K và S đồng ý. Đến khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi uống hết rượu cả nhóm bắt đầu đi bộ từ nhà G đi theo đường mòn đến nơi lấy trộm tài sản (trong quá trình di chuyển nêu trên G, X, K, S có nghe tiếng sắt lăn xuống suối “đùng, đùng” và nhìn thấy được Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1). Lúc này, G và S trèo lên đến vị trí bãi đất trống nơi có nhiều tài sản là sắt (tại khu vực này có rất nhiều tài sản để lộ thiên, không có người trông giữ gồm các thiết bị của xe máy ủi, máy bơm bê tông, đã được tháo rời hoàn toàn từ ngày 28/02/2022 nằm rải rác trên mặt đất như: lá ngồi xe ủi, bánh đỡ của xe ủi, bánh đề của xe ủi, vành sao của xe máy ủi, bộ chà tĩnh, động của máy bơm bê tông và có nhiều phương tiện xe ô tô, xe ủi), còn X và K đứng ở đoạn lưng dốc. Đến nơi, G và S nhìn thấy có nhiều thiết bị bằng sắt tròn, nặng để trên mặt đất nên G bắt đầu lấy trộm và lăn 02 (hai) thiết bị bằng kim loại (có tên gọi là Ga lê, thường gọi là bánh đề, bánh đỡ hoặc con lăn đề, con lăn đỡ) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục tròn lăn lượt lăn xuống dốc chỗ X và K đứng và nói “Khiêng về nhà để”. Tiếp đó, G lấy trộm 04 (bốn) thiết bị bằng kim loại (có tên thường gọi là vành sao, gồm 09 miếng vành sao rời ghép lại một bộ hoàn chỉnh vành sao) có kích thước dài 17cm, rộng nhất 11cm, cao nhất 8,5cm; còn S lấy trộm 01 (một) thiết bị bằng kim loại (có tên gọi là Ga lê, thường gọi là bánh đề, bánh đỡ hoặc con lăn đề, con lăn đỡ) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục tròn và lăn xuống dốc (từ bãi đất trống tới mép suối Nước Lãng là vực dốc, có độ cao, có chiều dài khoảng 15 mét, nhiều đá to nhỏ khác nhau). Sau đó, Phạm Văn G, Phạm Văn S, Phạm Văn K và Phạm Văn X khiêng các tài sản đã lấy trộm được nêu trên đi về nhà (mỗi bị cáo khiêng một thiết bị, còn G khiêng 04 thiết bị còn lại). Trong quá trình di chuyển, do tài sản lấy được quá nặng nên Phạm Văn X không khiêng nổi về nhà G để mà cất giấu luôn vào bụi cây ở rẫy keo gần đường mòn rồi về nhà ngủ; còn Phạm Văn G, Phạm Văn S, Phạm Văn K khiêng toàn bộ số tài sản lấy được về nhà của Phạm Văn G cất giấu. Sau khi đã cất giấu toàn bộ số tài sản nói trên ở sân vườn nhà của G xong thì các đối tượng vào nhà của G ngủ cho đến sáng. Sau khi thức dậy S và K nói với G là muốn lấy tiền trước để đi làm ăn nên cả 03 người ước tính số sắt bán được khoảng 1.200.000 đồng, sẽ chia đều cho 03 người, G lấy tiền của mình đưa trước cho S và K mỗi người 400.000 đồng.

Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, G nhìn thấy có vợ chồng người đi thu mua sắt phế liệu dạo đang ở trong xóm là ông Nguyễn T và bà Võ Thị T nên gọi bán sắt. Tại đây, G đã chỉ vào chỗ các cục sắt đang để ở trước hông nhà của G thì Tường nhìn thấy các cục sắt này đã cũ, có đất bám dính nhiều. Sau đó, vợ chồng ông

T và G thống nhất nội dung mua bán với giá tiền 9.000đ/ký. Lúc này, G không nói gì về nguồn gốc số tài sản và ông T cũng không hỏi gì về nguồn gốc số sắt nói trên. Sau đó, G tiến hành cân toàn bộ số tài sản nói trên (gồm: 02 thiết bị Ga lê tỳ D60 có tên thường gọi là bánh đề, con lăn đề và 04 bốn thiết bị có tên gọi là vành sao rời gồm 09 miếng vành sao rời ghép lại một bộ hoàn chỉnh vành sao) được tổng cộng khoảng 135 kg. Sau đó, thống nhất tính tiền là 1.200.000 đồng rồi Tường đưa đủ số tiền cho G, đồng thời T nói với G cho gửi lại toàn bộ số sắt này tại đây để tiếp tục đi dạo vào trong nhà dân thu mua phế liệu. Sau khi sự việc bị phát hiện thì Phạm Văn S, Phạm Văn K giao nộp lại tổng số tiền 800.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn G, Phạm Văn X, Phạm Văn K, Phạm Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm phạm tội. Cụ thể, vào rạng sáng ngày 05/03/2022 Phạm Văn G, Phạm Văn X, Phạm Văn K, Phạm Văn S đã cùng thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm: 04 (bốn) thiết bị Bánh sao D60 rời (tên thường gọi là vành sao, gồm 09 miếng vành sao rời ghép lại một bộ hoàn chỉnh vành sao) của xe máy Ủi D60P và 03 (ba) thiết bị Ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đề, con lăn đề) của xe máy Ủi D60P với mục đích trộm cắp sắt để bán phế liệu lấy tiền chia nhau.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ, kết luận: 04 (bốn) thiết bị Bánh sao D60 rời (tên thường gọi là vành sao, gồm 09 miếng vành sao rời ghép lại một bộ hoàn chỉnh vành sao) của xe máy Ủi D60P nhãn hiệu KOMATSU LTD JAPAN, có giá trị 556.111 đồng; 03 (ba) thiết bị Ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đề, con lăn đề) của xe máy Ủi D60P nhãn hiệu KOMATSU LTD JAPAN có giá trị 2.100.000 đồng. Trong đó: 02 (hai) thiết bị ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đề, con lăn đề), chất lượng còn lại 15%, là 900.000 đồng; 01 (một) thiết bị ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đề, con lăn đề), chất lượng còn lại 40%, là 1.200.000 đồng. Tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 2.656.111 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm mười một đồng).

Tại phiên tòa, Phạm Văn G, Phạm Văn X, Phạm Văn K, Phạm Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm phạm tội. Các bị cáo biết được sơ hở trong quá trình quản lý tài sản của chủ tài sản. Do đó, các bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo G đã rủ các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo không khiếu nại gì về kết luận giám định, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 26/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn G từ 12 tháng đến 14 tháng tù, cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn X từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về dân sự trong vụ án: Các bị cáo đã khắc phục xong về vấn đề dân sự, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đề cập đến.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại 09 miếng vành sao rời bằng kim loại và 03 bánh đề bằng kim loại của máy ủi D60P cho bị hại.

* Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Người bào chữa bà Bùi Thị Thuyết A cho bị cáo Phạm Văn G: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo G từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Ý kiến của Người bào chữa ông Nguyễn Chí K cho bị cáo Phạm Văn K và Phạm Văn X: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo K và X từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Ý kiến của Người bào chữa bà Phạm Thị Hà C cho bị cáo Phạm Văn S: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo S từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại không có tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; xét thấy quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai và có đơn không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của các bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chứng cứ phạm tội:

Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S đã khai nhận:

Các bị cáo biết được sơ hở trong quá trình quản lý tài sản của chủ tài sản. Do đó, các bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo G đã rủ các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị các bị cáo đã trộm cắp là: 2.656.111 đồng.

[2.2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Phạm Văn G, Phạm Văn

K, Phạm Văn X, Phạm Văn S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng số tài sản các bị cáo trộm cắp theo kết quả định giá tài sản là 2.656.111 đồng thuộc định mức hình phạt ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của tội phạm: Các bị cáo là người đã thành niên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự ở địa phương, tạo dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, do đó cần được xử lý theo quy định pháp luật hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi trộm cắp tài sản; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của xã Ba Xa, huyện Ba Tơ. Vì vậy các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S chấp hành hình phạt tù nữa, thời gian tạm giam từ ngày 22/9/2022 đối với bị cáo G và từ ngày 05/12/2022 đối với bị cáo K, X S đến nay cũng đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị các mức xử phạt của các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo đề nghị mức xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không có việc làm ổn định.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Bị hại có yêu cầu nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo đã trộm cắp. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao toàn bộ tài sản gồm 09 miếng vành sao rờn bằng kim loại và 03 bánh đê bằng kim loại của máy ủi D60P cho bị hại quản lý sử dụng.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng do bị cáo Phạm Văn G đã bán các tài sản trên mà có; do các bị cáo thống nhất chia đều sau khi bán được nhưng bị cáo G đã đưa trước cho Phạm Văn S 400.000 đồng, đưa cho Phạm Văn K 400.000 đồng nên bị cáo G phải chịu 400.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tịch thu ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng mà Phạm Văn S giao nộp và số tiền 400.000 đồng mà Phạm Văn K giao nộp.

[9] Về án phí: Các bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm; nhưng các bị cáo không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án nên theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 12 tháng tù (mười hai tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng (hai mươi bốn tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn X 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

2. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S đang bị tạm giam, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Giao các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T:

- 04 (bốn) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là vành sao rời, gồm 09 miếng vành sao rời ghép lại một bộ hoàn chỉnh vành sao) có kích thước dài 17cm, rộng nhất 11cm, cao nhất 8,5cm của máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là gale tỳ, bánh đà, con lăn đà hai rãnh) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 23cm, có lõi trục trong của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là gale tỳ, bánh đà, con lăn đà hai rãnh) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục trong của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là gale tỳ, bánh đà, con lăn đà hai rãnh) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục trong của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng 08/11/2022 giữa Công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ).

Buộc bị cáo Phạm Văn G phải chịu 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001414 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định

thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn K, Phạm Văn X, Phạm Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 12 năm 2022. Những người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- Người bị kết án;
- Đường sự;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy